



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

TP. Hồ Chí Minh, tháng 06/2020

www.vtctelecom.com.vn

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I.ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁT LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III.MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	10
IV.VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần	12
V.CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 11. Thu hồi cổ phần	13
VI.CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 12. Quyền của cổ đông	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	18
Điều 17. Thay đổi các quyền	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
VII.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	31
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	33
VIII.TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	36
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	36
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	36
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	36
IX.BAN KIỂM SOÁT	38
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	38
Điều 37. Kiểm soát viên	38
Điều 38. Ban kiểm soát	39
X.TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	40
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	40
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	40
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
XI.QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	42
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	42
XII.CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	43
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	43
XIII.PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	43
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	43
XIV.TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN..	43
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	43
Điều 46. Năm tài chính	44
Điều 47. Chế độ kế toán	44
XV.BÁO CÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	44
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	44
Điều 49. Báo cáo thường niên	44
XVI.KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
Điều 50. Kiểm toán	45

XVII.CON DẤU	45
Điều 51. Con dấu	45
XVIII.CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	46
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	45
Điều 53. Thanh lý	46
XIX.GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	46
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
XX.BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 55. Điều lệ công ty	47
XXI.NGÀY HIỆU LỰC	47
Điều 56. Ngày hiệu lực	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công Ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (dưới đây gọi là “Công ty”) được xây dựng căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010), Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Viễn thông VTC tổ chức chính thức vào ngày 25 tháng 06 năm 2020.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010; hoặc Luật chứng khoán hiện hành
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người quản lý công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - g. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành;
 - h. "Cổ đông" là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong (i) Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; hoặc (ii) một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng Khoán đối với một công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần.
 - i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định theo Luật chứng khoán hiện hành;
 - j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - k. "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016;

1. “Quy chế Quản trị Công ty” là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để quy định về quản trị, điều hành Công ty phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.
 - m. “Người phụ trách Quản trị Công ty” có nghĩa như được quy định tại Điều 32 Điều lệ này.
 - n. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
 - Tên tiếng Anh: VTC Telecommunications Joint Stock Company
 - Tên giao dịch: VTC
 - Tên viết tắt: VTC Telecom
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. HCM
 - Điện thoại: 028. 38331106
 - Fax: 028.38300253
 - E-mail: info@vtctelecom.com.vn
 - Website: <http://www.vtctelecom.com.vn>

Trong trường hợp có sự thay đổi, các thông tin nêu trên được coi là tự động cập nhật trong Điều lệ này.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (Một) người đại diện theo pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - In ấn: Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ;
 - Sản xuất linh kiện điện tử;
 - Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị buro chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học. Sản xuất, lắp ráp điện thoại di động, các thiết bị phần cứng của điện thoại di động;
 - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
 - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
 - Sản xuất đồng hồ;
 - Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
 - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
 - Sản xuất thiết bị điện khác;
 - Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học: sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khí tượng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, thiết bị truyền dẫn;
 - Xây dựng công trình công ích khác;
 - Xây dựng công trình điện;
 - Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
 - Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
 - Xây dựng công trình thủy;
 - Xây dựng công trình khai khoáng;
 - Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng mới, trung tu, đại tu và sửa chữa, duy tu, duy trì các công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện và các công trình hạ tầng kỹ thuật;
 - Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt và sửa chữa các công trình, các thiết bị buro chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông; Xây lắp hệ thống chiếu sáng bao gồm: Chiếu sáng nội ngoại thất và đèn điều khiển tín hiệu giao thông cả đường dây trạm điện đến dưới 35KV;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: Lắp đặt các động cơ nổ và thiết bị lạnh (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán các thiết bị đầu cuối cho mạng viễn thông, thiết bị điện tử, tin học, điện thoại di động;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện lạnh, các loại thẻ dùng trong viễn thông, camera quan sát, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ, cửa sử dụng khóa điện từ, khóa điện từ; Bán buôn vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Bán buôn máy móc, máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn thiết bị sản xuất năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn năng lượng tái tạo khác; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy móc thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn máy móc thiết bị và các sản phẩm đo lường, thí nghiệm, tự động hóa, xử lý môi trường;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Xuất bản phần mềm: Viết phần mềm, sản xuất phần mềm điện thoại di động, sản xuất phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Sản xuất các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như hệ thống điều hành kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính;
- Hoạt động viễn thông khác: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet; Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng thiết bị mạng dịch vụ viễn thông, tin học. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); Hoạt động của các điểm truy cập internet. Cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng. Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng. Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính: Đại lý, cung cấp các dịch vụ nội dung số: Dịch vụ lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu; quảng cáo trực tuyến khác trên mạng internet, mạng điện thoại di động và điện thoại cố định;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại. Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ dịch vụ cắt xén

- thông tin báo chí). Cung cấp nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng (trừ những thông tin Nhà nước cấm). Đại lý kinh doanh dịch vụ internet;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, cơ sở nhà đất hiện có;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn quản lý, khảo sát các công trình bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học. Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cảng đường thủy; Xác định, thẩm tra, kiểm soát quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy trong công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 220V, công trình điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình điện nhẹ, công nghệ thông tin; Thiết kế cơ khí; Thiết kế công trình giao thông cầu đường bộ; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế điện tử viễn thông;
 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: Nghiên cứu các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện – điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược;
 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp;
 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên: Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học; Nghiên cứu khoa học, chuyên giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế, công nghệ thân thiện với môi trường; Các hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật; Hoạt động nghiên cứu, phát triển chuyên giao ứng dụng công nghệ cao;
 - Dịch vụ quảng cáo;
 - Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Hoạt động trang trí nội thất;
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyên giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện-điện tử, tin học; Dịch vụ quan trắc môi trường; Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (thiết bị, hệ thống quan trắc môi trường); Thiết kế công nghệ môi trường; Tư vấn, chuyên giao công nghệ, lắp đặt, thẩm định, giám sát các công trình công nghệ sinh học (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Chuyên giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Dịch vụ chuyên giao công nghệ;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị viễn thông, điện tử, tin học, cho thuê thiết bị động cơ nổ và thiết bị lạnh;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

- Sửa chữa thiết bị liên lạc: Sửa chữa và bảo dưỡng, nâng cấp, hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, điện thoại di động;
 - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phân cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý ký gửi hàng hóa. Đại lý phân phối sản phẩm cáp và vật liệu viễn thông. Đại lý mua bán hàng hóa. Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
 - Hoạt động viễn thông không dây;
 - Hoạt động viễn thông có dây;
 - Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
- Tồn tại và liên tục phát triển nhằm trở thành nhà cung cấp các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật viễn thông và tin học hàng đầu tại Địa bàn kinh doanh;
 - Tối ưu hóa lợi nhuận cho cổ đông trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong kinh doanh;
 - Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập vật chất và đời sống tinh thần của Người lao động trong Công ty;
 - Làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua ở kỳ họp tiếp theo.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **45.346.960.000 VNĐ** (Bốn mươi lăm tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng Việt Nam).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **4.534.696** (Bốn triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm chín mươi sáu) cổ phần với mệnh giá là **10.000 VNĐ** (Mười ngàn đồng)/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại thị trường chứng khoán trong và ngoài nước theo các quy định của pháp luật khi Công ty hội đủ các điều kiện cần thiết.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của cổ đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi hoặc đại diện đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của cổ đông đã chết, mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất (không quá lãi suất trần đối với hoạt động cho vay dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

- j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông khi thực hiện các quyền được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này phải có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của công ty chứng khoán/Trung tâm lưu ký chứng khoán (hoặc tài liệu khác tương đương và được Công ty chấp nhận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, thời gian nắm giữ cổ phần để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên.
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
 - d. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính sáu tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.
- d. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp và các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội

- đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; Trong một số trường hợp xét thấy phải thực hiện để nắm bắt cơ hội, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định các giao dịch tại Khoản 1 và 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, HĐQT phải đảm bảo tuân thủ pháp luật và tính hiệu quả kinh tế của các giao dịch này và báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp kế tiếp sau khi thực hiện;
 - o. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - p. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty và pháp luật.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự (“Người được ủy quyền dự họp”). Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người được ủy quyền dự họp.
2. Hồ sơ cử Người được ủy quyền dự họp phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung của Công ty hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và Người được ủy quyền dự họp; trường hợp Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật;
 - b. Trường hợp Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đó và Người được ủy quyền dự họp, trường hợp Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký văn bản cử Người được ủy quyền dự họp, việc cử Người được ủy quyền dự họp trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu văn bản cử Người được ủy quyền dự họp đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong vòng hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với Người được ủy quyền dự họp trong việc thực hiện các quyền của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc Người được ủy quyền dự họp) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người được ủy quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn ba mươi (30) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Chuẩn bị chương trình họp, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên Người được uỷ quyền dự họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo quy định của Quy chế Quản trị Công ty và hướng dẫn của ban kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ, Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu

chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Các cổ đông có thể tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng các phương tiện điện tử, trực tuyến khác. Hình thức tham dự này được xem là tương đương với việc tham dự trực tiếp tại địa điểm chính của đại hội nếu như được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Việc tham dự và biểu quyết thông qua phương tiện điện tử, trực tuyến khác, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác có giá trị tương với việc biểu quyết thông qua hình thức có mặt trực tiếp.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với quy định được nêu chi tiết tại Quy chế Quản trị Công ty.
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:
 - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - b. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu của từng loại được chào bán;
 - c. Việc tổ chức lại hay giải thể công ty;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;
 - e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - f. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp và Điều 11 Điều lệ.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các vấn đề đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin đến Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% đến dưới 75% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 75% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó (i) bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc (ii) có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự;
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Thành viên đó vi phạm quy tắc đạo đức theo quy định của Công ty, vi phạm hay không hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo pháp luật hoặc Điều lệ mà theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị là nghiêm trọng;
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 Luật doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh Nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng, giao dịch lớn của Công ty hoặc Chi nhánh, Công ty con (bao gồm các hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, thuê tóm công ty, liên doanh và hợp đồng mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty). Trong một số trường hợp xét thấy phải thực hiện để nắm bắt cơ hội, HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo tuân thủ pháp luật và tính hiệu quả kinh tế của các giao dịch này và báo cáo HĐQT.

Trong trường hợp xét thấy phải thực hiện để nắm bắt cơ hội và đem lại những hiệu quả thiết thực cho Công ty, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng và giao dịch khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.

- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Người quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia

cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty. Việc bầu Chủ tịch được thực hiện theo Quy chế Quản trị công Ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a. Quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 152 Luật doanh nghiệp
 - b. Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt các chủ trương về ngân sách, tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Hội đồng quản trị;
 - c. Phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Phê duyệt cơ cấu tổ chức, hệ thống quy chế quản trị và điều hành nội bộ và các cơ chế, chính sách của Công ty; Các văn bản ủy quyền, phân cấp phân quyền cho Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác; Phê duyệt các văn bản ủy quyền cho các nhân viên khác của Công ty thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - e. Ký duyệt các văn bản và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT và Người Đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

- g. Các quyền và nghĩa vụ cụ thể khác theo hệ thống quy chế, quy trình, chính sách, quy định của Công ty và Nghị quyết Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị được xem là có tham dự họp khi (i) tham gia trực tiếp; hoặc (ii) thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; hoặc (iii) có phiếu biểu quyết hợp lệ theo quy định tại Khoản 10 Điều này; hoặc (iv) tham gia cuộc họp theo hình thức được quy định tại Khoản 9 Điều này.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định

bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Thời hạn lưu trữ biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế Quản trị Công ty.
16. Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, những Người điều hành doanh nghiệp khác và các chuyên gia có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Tùy vào nhu cầu và từng thời điểm cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền đề xuất thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
2. Thành viên của tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị có thể bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị đề ra. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.
4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, cơ cấu tổ chức, cách thức hoạt động, quyền và trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có 01 Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương, lợi ích khác và

các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, tuân theo quy định pháp luật, nội dung hợp đồng lao động và phù hợp với hạn mức ủy quyền và thẩm quyền phân cấp do HĐQT, Chủ tịch HĐQT giao cho tại các văn bản phân cấp phân quyền, giấy ủy quyền hoặc các văn bản có nội dung tương đương. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31/12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này theo quy định tại các Quy chế nội bộ của Công ty và khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (không kể biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Thành viên ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông bầu. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý,

điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Tổng mức thù lao của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Việc chi trả thù lao, tiền lương và lợi ích khác Kiểm soát viên được thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công

ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được thông báo và đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu

của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường được nêu tại Khoản 2 và 3 Điều này.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng Mười hai ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO CƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng

khoản và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị xem xét trước khi tiến hành công bố thông tin theo quy định.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại được thực hiện theo phán quyết của Tòa án hoặc Hội đồng trọng tài.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông VTC nhất trí thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

LÊ XUÂN TIẾN

BẢNG THUYẾT MINH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Ghi chú: Giải trình sửa đổi, bổ sung thể hiện tại các footnote cuối trang

Nội dung Điều lệ trước khi sửa đổi	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
<p style="text-align: center;">PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (dưới đây gọi là “Công ty”) được xây dựng căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.</p> <p>Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Viễn thông VTC tổ chức chính thức vào ngày 22 tháng 04 năm 2019.</p>	<p style="text-align: center;">PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công Ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (dưới đây gọi là “Công ty”) được xây dựng căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010), Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Viễn thông VTC tổ chức chính thức vào ngày 25 tháng 06 năm 2020.</p>

<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ¹</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010; Luật chứng khoán hiện hành;</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>f. "Người quản lý công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>
--	---

¹ Lý do thay đổi: Làm rõ, bổ sung và chuẩn hóa nội dung của các thuật ngữ.

<p>i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>g. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; Luật chứng khoán hiện hành;</p> <p>h. "Cổ đông" là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong (i) Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; hoặc (ii) một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng Khoán đối với một công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần.</p> <p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán; Luật chứng khoán hiện hành;</p> <p>j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>k. "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016;</p> <p>l. "Quy chế Quản trị Công ty" là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để quy định về quản trị, điều hành Công ty phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.</p> <p>m. "Người phụ trách Quản trị Công ty" có nghĩa như được quy định tại Điều 27 Điều lệ này.</p> <p>n. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>...</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>...</p>

<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. HCM - Điện thoại: 028. 38331106 - Fax: 028.38300253 - E-mail: info@vtctelecom.com.vn - Website: http://www.vtctelecom.com.vn <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn</p>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. HCM - Điện thoại: 028. 38331106 - Fax: 028.38300253 - E-mail: info@vtctelecom.com.vn - Website: http://www.vtctelecom.com.vn <p>Trong trường hợp có sự thay đổi, các thông tin nêu trên được coi là tự động cập nhật trong Điều lệ này.²</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật³ cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn</p>
<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có 01 (Một) người đại diện theo pháp luật. 2. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty⁴</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có 01 (Một) người đại diện theo pháp luật. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: 	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:⁵

² Lý do thay đổi: Dự trù trường hợp các thông tin này thay đổi vì lý do nào đó lại phải tiến hành thủ tục sửa đổi Điều lệ, gây tốn kém.

³ Thống nhất dùng thuật ngữ “pháp luật” trong toàn Điều lệ và phù hợp với cách dùng thuật ngữ của pháp luật hiện hành.

⁴ Lý do sửa đổi: phù hợp với định hướng quản trị của Công ty và pháp luật hiện hành cho phép.

<ul style="list-style-type: none"> - In ấn: Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ; - Sản xuất linh kiện điện tử; - Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị buu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học. Sản xuất, lắp ráp điện thoại di động, các thiết bị phần cứng của điện thoại di động; - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; - Sản xuất đồng hồ; - Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện - Sản xuất thiết bị điện khác; - Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn năng lượng tái tạo khác; - Xây dựng công trình công ích: Xây dựng và sửa chữa các công trình viễn thông, điện-điện tử, tin học, cơ sở hạ tầng công trình viễn thông; - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng mới, trung tu, đại tu và sửa chữa, duy tu, duy trì các công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao 	<ul style="list-style-type: none"> - In ấn: Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ; - Sản xuất linh kiện điện tử; - Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị buu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học. Sản xuất, lắp ráp điện thoại di động, các thiết bị phần cứng của điện thoại di động; - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; - Sản xuất đồng hồ; - Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; - Sản xuất thiết bị điện khác; - Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học: sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khí tượng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, thiết bị truyền dẫn; - Xây dựng công trình công ích khác; - Xây dựng công trình điện; - Xây dựng công trình cấp, thoát nước; - Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; - Xây dựng công trình thủy; - Xây dựng công trình khai khoáng;
---	--

⁵ Lý do điều chỉnh: cập nhật lại lĩnh vực kinh doanh dựa trên Danh mục ngành nghề theo Bản công bố thông tin của VTC về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cập nhật ngày 28/06/2019 tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

<p>thông, thủy lợi, buro điện và các công trình hạ tầng kỹ thuật;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt và sửa chữa các công trình, các thiết bị buro chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông; Xây lắp hệ thống chiếu sáng bao gồm: Chiếu sáng nội ngoại thất và đèn điều khiển tín hiệu giao thông cả đường dây trạm điện đến dưới 35KV; - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: Lắp đặt các động cơ nổ và thiết bị lạnh (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí tái chế phế thải, xi mạ đen tại trụ sở); - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm; - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện lạnh, các loại thẻ dùng trong viễn thông, camera quan sát, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ, cửa sử dụng khóa điện tử, khóa điện tử; Bán buôn vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Bán buôn máy móc, máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn thiết bị sản xuất năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn năng lượng tái tạo khác; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy móc thiết bị và dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng mới, trung tu, đại tu và sửa chữa, duy tu, duy trì các công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện và các công trình hạ tầng kỹ thuật; - Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt và sửa chữa các công trình, các thiết bị buro chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông; Xây lắp hệ thống chiếu sáng bao gồm: Chiếu sáng nội ngoại thất và đèn điều khiển tín hiệu giao thông cả đường dây trạm điện đến dưới 35KV; - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: Lắp đặt các động cơ nổ và thiết bị lạnh (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí tái chế phế thải, xi mạ đen tại trụ sở); - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm; - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán các thiết bị đầu cuối cho mạng viễn thông, thiết bị điện tử, tin học, điện thoại di động; - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện lạnh, các loại thẻ dùng trong viễn thông, camera quan sát, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ, cửa sử dụng khóa điện tử, khóa điện tử; Bán buôn vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Bán buôn máy móc, máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn thiết bị sản xuất năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn
---	---

<p>cụ đo lường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn máy móc thiết bị và các sản phẩm đo lường, thí nghiệm, tự động hóa, xử lý môi trường; - Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng ô tô - Vận tải hành hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa bằng ô tô - Xuất bản phần mềm; - Hoạt động viễn thông vệ tinh: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh; - Hoạt động viễn thông khác: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet; Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng thiết bị mạng dịch vụ viễn thông, tin học. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); Hoạt động của các điểm truy cập internet; <p>Cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;</p> <p>Trung gian cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;</p> <p>Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông</p> <p>Lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, thiết bị truyền dẫn</p> <p>Kinh doanh dịch vụ viễn thông; Kinh doanh hàng hóa viễn</p>	<p>năng lượng tái tạo khác; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy móc thiết bị và dụng cụ đo lường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn máy móc thiết bị và các sản phẩm đo lường, thí nghiệm, tự động hóa, xử lý môi trường; - Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng ô tô; - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa bằng ô tô; - Xuất bản phần mềm: Viết phần mềm, sản xuất phần mềm điện thoại di động, sản xuất phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Sản xuất các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như hệ thống điều hành kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính; - Hoạt động viễn thông khác: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet; Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng thiết bị mạng dịch vụ viễn thông, tin học. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); Hoạt động của các điểm truy cập internet. Cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng. Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng. Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính: Đại lý, cung cấp các dịch vụ nội dung số: Dịch vụ lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu; quảng cáo trực tuyến khác trên mạng internet, mạng điện thoại di động và điện thoại cố định; - Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; - Công thông tin: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
--	---

<p>thông</p> <p>Thiết lập mạng viễn thông; Đại lý, cung cấp các dịch vụ nội dung số: Dịch vụ lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu; quảng cáo trực tuyến khác trên mạng internet, mạng điện thoại di động và điện thoại cố định</p> <p>Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất; Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada;</p> <p>Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;</p> <p>Cung cấp và làm đại lý dịch vụ ứng dụng viễn thông, làm đại lý dịch vụ viễn thông sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh. Cung cấp và làm đại lý các ứng dụng viễn thông chuyên dụng gồm: Theo dõi hoạt động và giám sát tàu thuyền và các phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và các phương tiện nổi, công trình thủy, các tài sản và cơ sở khác trên sông, trên biển, trên đất liền. Đo, gửi thông tin và điều khiển từ xa, phát hiện cá từ xa và các trạm rada</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; - Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; - Cổng thông tin; - Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; Dịch vụ kết nối vận tải; Dịch vụ thông tin giải trí phát thanh, truyền hình, báo chí; Cung cấp nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng (trừ những thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại. Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ dịch vụ cắt xén thông tin báo chí). Cung cấp nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng (trừ những thông tin Nhà nước cấm). Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, cơ sở nhà đất hiện có; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn quản lý, khảo sát các công trình bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học. Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cảng đường thủy; Xác định, thẩm tra, kiểm soát quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy trong công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 220V, công trình điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình điện nhẹ, công nghệ thông tin; Thiết kế cơ khí; Thiết kế công trình giao thông cầu đường bộ; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế điện tử viễn thông; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: Nghiên cứu các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện – điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa
---	---

<p>tin Nhà nước cấm);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, cơ sở nhà đất hiện có; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn quản lý, khảo sát các công trình bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học. Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cảng đường thủy; Xác định, thẩm tra, kiểm soát quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy trong công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 220V, công trình điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình điện nhẹ, công nghệ thông tin; Thiết kế cơ khí; Thiết kế công trình giao thông cầu đường bộ; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế điện tử viễn thông; - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Nghiên cứu các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh; Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học; Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế, công nghệ thân thiện với môi trường; Các hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật; Hoạt động nghiên cứu, phát triển chuyển giao ứng dụng công nghệ cao; - Dịch vụ quảng cáo; - Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Hoạt động trang trí nội thất; - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện-điện tử, tin học; Dịch vụ quan trắc môi trường; Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (thiết bị, hệ thống quan trắc môi trường); Thiết kế công nghệ môi trường; Tư vấn, chuyển giao công nghệ, lắp đặt, thẩm định, giám sát các công trình công nghệ sinh học (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị viễn thông, điện tử, tin học, cho thuê thiết động cơ nổ và thiết bị lạnh; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Sửa chữa thiết bị liên lạc: Sửa chữa và bảo dưỡng, nâng cấp, hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, điện thoại di động; - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo hành, bảo 	<p>học nông nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên: Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học; Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế, công nghệ thân thiện với môi trường; Các hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật; Hoạt động nghiên cứu, phát triển chuyển giao ứng dụng công nghệ cao; - Dịch vụ quảng cáo; - Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Hoạt động trang trí nội thất; - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện-điện tử, tin học; Dịch vụ quan trắc môi trường; Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (thiết bị, hệ thống quan trắc môi trường); Thiết kế công nghệ môi trường; Tư vấn, chuyển giao công nghệ, lắp đặt, thẩm định, giám sát các công trình công nghệ sinh học (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị viễn thông, điện tử, tin học, cho thuê thiết động cơ nổ và thiết bị lạnh; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Sửa chữa thiết bị liên lạc: Sửa chữa và bảo dưỡng, nâng cấp, hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, điện thoại di động; - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo hành, bảo
--	--

<p>ngành viễn thông, điện-điện tử, tin học; Dịch vụ quan trắc môi trường; Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (thiết bị, hệ thống quan trắc môi trường); Thiết kế công nghệ môi trường; Tư vấn, chuyển giao công nghệ, lắp đặt, thẩm định, giám sát các công trình công nghệ sinh học (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Dịch vụ chuyển giao công nghệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị viễn thông, điện tử, tin học, cho thuê thiết động cơ nổ và thiết bị lạnh; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Sửa chữa thiết bị liên lạc: Sửa chữa và bảo dưỡng, nâng cấp, hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, điện thoại di động; - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. - Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật. <p>....</p>	<p>dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý ký gởi hàng hóa. Đại lý phân phối sản phẩm cấp và vật liệu viễn thông. Đại lý mua bán hàng hóa. Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; - Hoạt động viễn thông không dây; - Hoạt động viễn thông có dây; - Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật. <p>....</p>
--	---

<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>2. Công ty được tự do kinh doanh trong những lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua ở kỳ họp tiếp theo.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua ở kỳ họp tiếp theo.⁶</p>
<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>....</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.⁷</p> <p>....</p>
<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác⁸</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>
<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1.</p> <p>2.....</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1.</p> <p>2.....</p>

⁶ Lý do sửa đổi: Doanh nghiệp được tự do kinh doanh những ngành nghề pháp luật không cấm và được quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp

⁷ Lý do bổ sung: làm rõ chủ thể có thẩm quyền xác định chi phí liên quan.

⁸ Lý do điều chỉnh: Cập nhật theo Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>3. Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của cổ đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi hoặc đại diện đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của cổ đông đã chết, mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.⁹</p>
<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. ...</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần¹⁰</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho công ty.</p> <p>2. ...</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán</p>

⁹ Lý do bổ sung: dự trừ các trường hợp có thể xảy ra và cơ chế giải quyết. Quy định về thừa kế đối với tài sản là cổ phần được quy định tại Khoản 3 Điều 126 Luật doanh nghiệp. Quy định về người mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự và cơ chế thực hiện quyền của người này được quy định tại Điều 22 và Điều 24 Bộ luật dân sự 2015.

¹⁰ Lý do bổ sung: Quy định chi tiết hơn.

<p>bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất (không quá lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại + 1%/năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. ...</p>	<p>quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất (không quá lãi suất trần đối với hoạt động cho vay dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành)¹¹ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. ...</p>
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>....</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>....</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p>

¹¹ Lý do sửa đổi: Đây là mức lãi suất mà pháp luật cho phép (mức hiện tại là 20%/năm).

<p>phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>...</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch của người đại diện theo pháp luật, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên¹² trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông khi thực hiện các quyền được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này phải có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của công ty chứng khoán/Trung tâm lưu ký chứng khoán (hoặc tài liệu khác tương đương và được Công ty chấp nhận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, thời gian nắm giữ cổ phần để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên.¹³</p> <p>....</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp¹⁴ Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân¹⁵, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số</p>
---	--

¹² Lý do sửa đổi: Luật doanh nghiệp quy định tỷ lệ này là: “*Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty*” (Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014).

¹³ Lý do bổ sung: Cụ thể hóa cơ chế thực hiện quyền của Cổ đông

¹⁴ Lý do sửa đổi: Đại hội đồng cổ đông là một chủ thể trong công ty cổ phần, tập hợp tất cả các cổ đông, trong khi đó Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lại là sự kiện để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trong trường hợp này, từ chính xác phải là “cuộc họp Đại hội đồng cổ đông”. Những điều chỉnh thuật ngữ trong Điều lệ này cũng được giải thích tương tự.

¹⁵ Lý do sửa đổi: Cập nhật sự thay đổi theo quy định pháp luật hiện hành đối với những trường hợp được cấp Căn cước công dân

<p>điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>...</p>	<p>lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>...</p>
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>...</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. 	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>...</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp¹⁶.
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>...</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.¹⁷</p> <p>...</p>

¹⁶ Lý do bổ sung: Phòng tránh sự tùy tiện của cổ đông, nhóm cổ đông và các đối tượng có liên quan làm ảnh hưởng đến tính ổn định trong công tác quản trị công ty.

¹⁷ Lý do bổ sung: Bổ sung trường hợp có thể gia hạn theo quy định pháp luật (Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp)

<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>...</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>...</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>d. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp và các công việc khác phục vụ cuộc họp¹⁸.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp</p>

¹⁸ Lý do bổ sung: Bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và khoản 7 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

<p>với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>...</p> <p>o. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>....</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>...</p> <p>o. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;¹⁹</p> <p>o. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>p. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty và pháp luật.²⁰</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp, có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký</p>	<p>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự (“Người được ủy quyền dự họp”)²¹. Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người được ủy quyền dự họp.</p> <p>2. Hồ sơ cử Người được ủy quyền dự họp phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung của Công ty hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng</p>

¹⁹ Lý do sửa đổi: Bổ quy định về “Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị” để tuân thủ yêu cầu về quản trị công ty theo Khoản 2 Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

²⁰ Lý do bổ sung: bổ sung các vấn đề cần thiết cần có quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

²¹ Lý do bổ sung: Thống nhất thuật ngữ để chỉ một đối tượng.

<p>theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông (là tổ chức) uỷ quyền lại, thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền này, người đại diện theo pháp luật của cổ đông (là tổ chức) và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>...</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp</p>	<p>quản trị chấp thuận và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và Người được uỷ quyền dự họp; trường hợp Người được uỷ quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật;</p> <p>b. Trường hợp Cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì văn bản uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông đó và Người được uỷ quyền dự họp, trường hợp Người được uỷ quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký văn bản cử Người được uỷ quyền dự họp, việc cử Người được uỷ quyền dự họp trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu văn bản cử Người được uỷ quyền dự họp đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi²²;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận</p>
--	--

²² Lý do bổ sung: Bổ sung trường hợp dự trừ. Cập nhật theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015.

<p>được triệu tập lại.</p>	<p>được thông báo về một trong các sự kiện trên trong vòng hai mươi bốn (24) giờ²³ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p> <p>5. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với Người được ủy quyền dự họp trong việc thực hiện các quyền của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.²⁴</p>
<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền²⁵</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc Người được ủy quyền dự họp) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người được ủy quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau</p>

²³ Lý do bổ sung: cụ thể hóa quy định.

²⁴ Lý do bổ sung: Phòng tránh những tranh chấp không đáng có phát sinh từ những sự mâu thuẫn giữa người ủy quyền và người được ủy quyền, điều này vô tình kéo công ty thành một bên trong các tranh chấp.

²⁵ Lý do sửa đổi: Thống nhất thuật ngữ “Người được ủy quyền dự họp”

<p>quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>...</p>	<p>tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>...</p>
<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>...</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút²⁶ kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>...</p>
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>....</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>.....</p>

²⁶ Lý do sửa đổi: Tăng thời gian đủ để Ban tổ chức kiểm tra xác nhận danh sách cổ đông tham dự.

- | | |
|---|--|
| <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ</p> | <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên Người được ủy quyền dự họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo quy định của Quy chế Quản trị Công ty và hướng dẫn của ban kiểm phiếu.²⁷ Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.</p> <p>3. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ, Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.</p> |
|---|--|

²⁷ Lý do sửa đổi: Phù hợp với thực tế triển khai và quy định của pháp luật

<p>cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.</p> <p>...</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>...</p>	<p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.</p> <p>...</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Các cổ đông có thể tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng các phương tiện điện tử, trực tuyến khác. Hình thức tham dự này được xem là tương đương với việc tham dự trực tiếp tại địa điểm chính của Đại hội nếu như được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.²⁸</p> <p>...</p>
<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Việc tham dự và biểu quyết thông qua phương tiện điện tử, trực tuyến khác, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác có giá trị tương với việc biểu quyết thông qua hình thức có mặt trực tiếp.</p>

²⁸ Lý do bổ sung: Khoản 3 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều 140 Luật Doanh nghiệp đã công nhận tính pháp lý của việc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác như là một hình thức thực hiện quyền dự họp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

<p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>...</p>	<p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với quy định được nêu chi tiết tại Quy chế quản trị công ty.²⁹</p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>b. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu của từng loại được chào bán;</p> <p>c. Việc tổ chức lại hay giải thể công ty;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;</p> <p>e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>f. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp và Điều 11 Điều lệ.³⁰</p> <p>...</p>
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự</p>

²⁹ Lý do sửa đổi: Bổ sung chi tiết hơn phương thức bầu dồn phiếu.

³⁰ Lý do sửa đổi: Việc thay đổi nội dung với 2 lý do:

- 1) Bao quát được tất cả các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 2) Tuân thủ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp.

<p>sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ...</p> <p>7. Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin đến Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước</p>	<p>chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý công ty³¹. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin đến Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước.</p>
<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước.</p>	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p>
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>....</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội</p>

³¹ Lý do sửa đổi: Tuân thủ quy định của Khoản 5 Điều 145 Luật Doanh nghiệp. Người quản lý công ty và Người điều hành là hai đối tượng khác nhau:
- Người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. (Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014).
- Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty (Khoản 5 Nghị định 71/2017/NĐ-CP)

<p>theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày³² theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống. 3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng 	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.³³ 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.³⁴ 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó (i) bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc (ii) có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình

³² Lý do sửa đổi: Tăng thời gian để Người triệu tập đủ thời gian hoàn tất các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ.

³³ Lý do sửa đổi: Bổ sung theo Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp

³⁴ Lý do điều chỉnh: Việc làm tròn xuống sẽ không đảm bảo tỷ lệ tối thiểu theo quy định pháp luật (1/3) tổng số thành viên.

<p>sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản</p>	<p>sự;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Thành viên đó vi phạm quy tắc đạo đức theo quy định của Công ty, vi phạm hay không hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo pháp luật hoặc Điều lệ mà theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị là nghiêm trọng;³⁵</p> <p>h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.³⁶</p>
---	--

³⁵ Lý do bổ sung: Điểm d khoản 1 Điều 156 Luật doanh nghiệp cho phép công ty quy định các trường hợp khác tại Điều lệ của công ty

³⁶ Lý do bỏ: Quy định này theo tinh thần của Điều 11, Thông tư 121/2012/TT-BTC. Tuy nhiên, Thông tư 121 đã hết hiệu lực 1/8/2017, trong khi Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty đại chúng không đề cập đến vấn đề này. Khoản 3 Điều 156 Luật doanh nghiệp quy định không phải bổ nhiệm thay thế, mà để đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất để bầu thành viên Hội đồng quản trị mới hoặc phải lấy ý kiến cổ đông để bầu thành viên Hội đồng quản trị mới.

<p>trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> <p>5. ...</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>5. ...</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác³⁷. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>
<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>...</p> <p>h. Quyết định thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty (Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền HĐQT thông qua để bảo vệ cổ đông);</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>...</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>...</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;³⁸</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>...</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu³⁹, trái phiếu chuyển đổi và trái</p>

³⁷ Lý do bổ sung: Tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

³⁸ Lý do sửa đổi: Tuân thủ quy định tại Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

<p>kèm chứng quyền; ...</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: ...</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Trong trường hợp xét thấy phải thực hiện để nắm bắt cơ hội, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng và giao dịch khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kế tiếp. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trong một số trường hợp xét thấy phải thực hiện để nắm bắt cơ hội, HĐQT ủy quyền cho TGD quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, TGD phải đảm bảo tuân thủ pháp luật và tính hiệu quả kinh tế của các giao dịch này và báo cáo HĐQT; Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty; ...</p>	<p>phiếu kèm chứng quyền; ...</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: ...</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 Luật doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh Nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng, giao dịch lớn của Công ty hoặc Chi nhánh, Công ty con (bao gồm các hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, đầu tư công ty, liên doanh và hợp đồng mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty).⁴⁰ Trong một số trường hợp xét thấy phải thực hiện để nắm bắt cơ hội, HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo tuân thủ pháp luật và tính hiệu quả kinh tế của các giao dịch này và báo cáo HĐQT. Trong trường hợp xét thấy phải thực hiện để nắm bắt cơ hội và đem lại những hiệu quả thiết thực cho Công ty, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng và giao dịch khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.</p>
--	---

³⁹ Lý do sửa đổi: Bổ sung trường hợp phát hành trái phiếu

⁴⁰ Lý do bổ sung: Bổ sung các nội dung cần thiết để cụ thể hóa quy định tại Khoản này.

<p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>...</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>...</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Người quản lý⁴¹ đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>
<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty. Việc bầu Chủ tịch được thực hiện theo Quy chế Quản trị nội bộ công ty⁴².</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ như sau:⁴³</p> <p>a. Quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 152 Luật doanh nghiệp</p> <p>b. Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt các chủ trương về ngân sách, tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng</p>

⁴¹ Lý do sửa đổi: Mở rộng đối tượng và chuẩn hóa thuật ngữ. Theo khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp: Người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.

⁴² Lý do sửa đổi: Việc bầu Chủ tịch HĐQT thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp (Khoản 1 Điều 152 Luật Doanh nghiệp).

⁴³ Lý do bổ sung: Bổ sung một số quyền và nghĩa vụ được quy định mang tính nguyên tắc, tạo cơ sở pháp lý cho việc HĐQT/Chủ tịch HĐQT ban hành các quy chế nội bộ về phân cấp, phân quyền. Phù hợp với việc Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật.

<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người</p>	<p>quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Phê duyệt cơ cấu tổ chức, hệ thống quy chế quản trị và điều hành nội bộ và các cơ chế, chính sách của Công ty; Các văn bản ủy quyền, phân cấp phân quyền cho Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác; phê duyệt các văn bản ủy quyền cho các nhân viên khác của Công ty thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>e. Ký duyệt các văn bản và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT và Người Đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g. Các quyền và nghĩa vụ cụ thể khác theo hệ thống quy chế, quy trình, chính sách, quy định của Công ty và Nghị quyết Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị⁴⁴.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch</p>
---	---

⁴⁴ Lý do bổ sung: Xác định rõ thời điểm làm mốc tính thời hạn.

<p>thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.⁴⁵</p>
<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>...</p> <p>b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>...</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>7.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công</p>	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>...</p> <p>b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;⁴⁶</p> <p>...</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc⁴⁷, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>7.....</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên được</p>

⁴⁵ Lý do bổ sung: bB sung trường hợp mang tính dự trừ.

⁴⁶ Lý do sửa đổi: Tuân thủ quy định tại Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

⁴⁷ Lý do sửa đổi: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

<p>ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>...</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>...</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được</p>	<p>đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị được xem là có tham dự họp khi (i) tham gia trực tiếp; hoặc (ii) thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; hoặc (iii) có phiếu biểu quyết hợp lệ theo quy định tại Khoản 10 Điều này; hoặc (iv) tham gia cuộc họp theo hình thức được quy định tại Khoản 9 Điều này.⁴⁸</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>...</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp là phiếu quyết định.</p> <p>...</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký</p>
---	---

⁴⁸ Lý do sửa đổi: bổ sung đầy đủ các hình thức dự họp hợp pháp của thành viên Hội đồng quản trị.

<p>lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>của chủ tọa và người ghi biên bản. Thời hạn lưu trữ biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế Quản trị Công ty.</p> <p>16. Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các chuyên gia có thể dự họp HĐQT theo thư mời của HĐQT nhưng không được tham gia biểu quyết.⁴⁹</p>
<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Tùy vào nhu cầu và từng thời điểm cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền đề xuất thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận⁵⁰.</p> <p>2. Số lượng thành viên của tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị có thể bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị đề ra. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, cơ cấu tổ chức, cách thức hoạt động, quyền và trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>

⁴⁹ Lý do bổ sung: Bổ sung theo thực tế tại Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật

⁵⁰ Lý do sửa đổi: Tuân thủ quy định tại Điều 17 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC ⁵¹
<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có 01 Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có 01 Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành⁵² khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>
<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. 2. ... 3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: <ul style="list-style-type: none"> ... b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt 	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương, lợi ích khác và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. 2. ... 3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: <ul style="list-style-type: none"> ... b. Điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, tuân theo quy định pháp luật, nội dung hợp đồng lao động và phù hợp với hạn mức ủy quyền và

⁵¹ Lý do sửa đổi: Thống nhất thuật ngữ pháp lý theo quy định pháp luật hiện hành.

⁵² Lý do sửa đổi: Thống nhất thuật ngữ, Mục VIII đang đề cập đến nhóm Người điều hành.

<p>động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>...</p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>thẩm quyền phân cấp do HĐQT, Chủ tịch HĐQT giao cho tại các văn bản phân cấp phân quyền, giấy ủy quyền hoặc các văn bản có nội dung tương đương. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty⁵³.</p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này theo quy định tại các Quy chế nội bộ của Công ty và khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (không kể biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng Giám đốc)⁵⁴ và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>
<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là từ ba (03) người đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>....</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông bầu. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên⁵⁵ và đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể</p>

⁵³ Lý do bổ sung: Tăng cường trách nhiệm của Tổng giám đốc.

⁵⁴ Lý do bổ sung: Dự phòng trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

⁵⁵ Lý do bổ sung: Tuân thủ yêu cầu của Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

<p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.⁵⁶</p> <p>5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>
<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <p>....</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <p>....</p> <p>4. Tổng mức thù lao của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Việc chi trả thù lao, tiền lương và lợi ích khác Kiểm soát viên được thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty⁵⁷. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc</p>

⁵⁶ Lý do bổ sung: Dự trừ trường hợp phát sinh theo tinh thần tại Khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp 2014

⁵⁷ Lý do bổ sung: Bổ sung để làm rõ nội dung

	hợp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.
<p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>...</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>...</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường được nêu tại Khoản 2 và 3 Điều này.⁵⁸</p>
<p>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>....</p>	<p>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm⁵⁹ cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>....</p>
<p>Điều 50. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Điều 50. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị xem xét trước khi tiến hành công bố thông tin theo quy định</p>

⁵⁸ Lý do bổ sung: Bổ sung để làm rõ nội dung

⁵⁹ Lý do sửa đổi: Vì thời hạn nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin có 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong khi đó, thời hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông không quá 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nên cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường sau ngày nộp Báo cáo tài chính năm cho các cơ quan có thẩm quyền.

<p>Điều 51. Con dấu</p> <p>...</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 51. Con dấu</p> <p>...</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>
<p>Điều 53. Gia hạn hoạt động</p>	<p>Điều 53. Gia hạn hoạt động</p>
<p>Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ... chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết</p>	<p>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc⁶⁰ kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của</p>

⁶⁰ Lý do bổ sung: Điều lệ hiện hành chưa quy định thời hạn này. Bổ sung thời hạn này là 10 ngày làm việc, phù hợp với thông lệ quản trị công ty của nhiều công ty.

<p>định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại được thực hiện theo phán quyết của Tòa án hoặc Hội đồng trọng tài.</p>
<p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông VTC nhất trí thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2019 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>...</p>	<p>Điều 56. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông VTC nhất trí thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.</p> <p>....</p>



DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 06 năm 2020

www.vtctelecom.com.vn

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	3
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT	4
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 3. Đưa ra các quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 6. Quyền của các cổ đông trong việc kiến nghị nội dung, chương trình họp	5
Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 8. Cách thức biểu quyết	6
Điều 9. Cách thức kiểm phiếu.....	7
Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu	7
Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 14. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	8
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 16. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 17. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 20. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	12
Điều 21. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	12
Điều 22. Cách thức biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	13
Điều 24. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	13
Điều 25. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị	13
Điều 26. Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản...13	
CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 27. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	14
Điều 28. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	14
Điều 29. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.....	15

CHƯƠNG VI: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT

VIÊN, THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 30. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	15
Điều 31. Cách thức Cử đông, nhóm Cử đông đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.....	16
Điều 32. Cách thức bầu Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát.....	16
Điều 33. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	16
Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	16
Điều 35. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát.....	17

CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

17	17
Điều 36. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp	17
Điều 37. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	18
Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp.....	18
Điều 39. Quyền hạn, nhiệm vụ của Tổng giám đốc.....	18
Điều 40. Quyền hạn, nhiệm vụ của Người điều hành khác	19
Điều 41. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.....	19

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

19	19
Điều 42. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và Người điều hành khác	19
Điều 43. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	21
Điều 44. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	21
Điều 45. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	21
Điều 46. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	22
Điều 47. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	23

CHƯƠNG IX: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

23	23
Điều 49. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty.....	23
Điều 50. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	24

CHƯƠNG X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

24	24
Điều 51. Báo cáo và công bố thông tin	24

CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....

25	25
Điều 52. Sửa đổi, bổ sung quy chế	25
Điều 53. Điều khoản thi hành.....	25

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

(Ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số Ngày 25 tháng 6 năm 2020)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Viễn thông VTC phần được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Người điều hành khác của Công ty.
3. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị doanh nghiệp của Công ty.
4. Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
 - d. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, thù lao Hội đồng quản trị;
 - e. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên; thù lao Ban kiểm soát;
 - f. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác;
 - g. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
 - h. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty (nếu có);
 - i. Quy định báo cáo và công bố thông tin;
 - j. Quy định về sửa đổi, bổ sung quy chế và điều khoản thi hành.
5. Đối tượng áp dụng của quy chế này bao gồm:
 - a. Công ty cổ phần Viễn thông VTC;
 - b. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của của cổ đông;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Công ty;
 - d. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- b. “Công ty” là Công ty cổ phần Viễn thông VTC.
- c. “Điều lệ” là Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Viễn thông VTC được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- d. “Cổ đông” là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong (i) Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty; hoặc (ii) một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng Khoán đối với một công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần.
- e. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.
- f. “Đại hội đồng Cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
- g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.
- h. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- i. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán hiện hành.
- j. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- k. “Ban điều hành” bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- l. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- m. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.
- n. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.
2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đưa ra các quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Ngày đăng ký cuối cùng.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp.
4. Thủ tục trong việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông tới các cổ đông.
5. Hình thức, nội dung và cách thức biểu quyết.
6. Các vấn đề khác có liên quan trong phạm vi thẩm quyền.

Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty chuẩn bị một danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn ba mươi (30) ngày trước ngày gửi thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư.
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng các phương thức sau:
 - a. Thông báo mời họp được gửi bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua đơn vị bưu điện/dịch vụ chuyển phát với phương thức bảo đảm đến địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.
 - b. Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
3. Thông báo mời họp được gửi kèm theo các tài liệu: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Việc gửi các tài liệu cuộc họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp này, thông báo mời họp sẽ nêu rõ đường dẫn, cách thức tải toàn bộ tài liệu cuộc họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 6. Quyền của các cổ đông trong việc kiến nghị nội dung, chương trình họp

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có thể đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Đề xuất phải được gửi bằng văn bản cùng các tài liệu chứng minh về số lượng và thời gian nắm giữ cổ phần, biên bản thống nhất nội dung đề xuất của nhóm cổ đông. Đề xuất phải được gửi đến trụ sở Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm: họ và tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; Số lượng và loại cổ phần Cổ đông đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp, lý do đưa ra kiến nghị.
3. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể từ chối những đề xuất này trong các trường hợp sau đây:
 - a. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

- b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ;
- c. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn, hoặc không đủ, không đúng nội dung.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự qua điện thoại, thư điện tử, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình thư mời họp, giấy tờ tùy thân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức cuộc họp để đăng ký tại địa điểm tổ chức cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Thủ tục ủy quyền và lập văn bản ủy quyền cho các Cổ đông: Cổ đông sẽ thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp theo mẫu được Công ty gửi kèm tài liệu và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc Đại hội. Để chủ động trong công tác tổ chức cuộc họp, Ban tổ chức có thể liên lạc với Cổ đông thông qua thư điện tử/cuộc gọi điện thoại xác nhận việc tham dự và hình thức tham cuộc họp. Cổ đông có thể tiến hành ủy quyền và giới thiệu Người được ủy quyền dự họp cho Ban tổ chức thông qua thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo yêu cầu của Ban tổ chức. Hình thức ủy quyền này có giá trị tương đương với văn bản ủy quyền theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

Điều 8. Cách thức biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký/mã số, họ và tên của Cổ đông, họ và tên Người được ủy quyền dự họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
2. Nội dung của Thẻ biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trên Thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” cho từng nội dung trong chương trình họp theo tờ trình đại hội, sau đó ký và ghi rõ họ tên vào Thẻ biểu quyết (đã được phát khi đăng ký).
4. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp bỏ các Thẻ biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.
5. Đối với việc biểu quyết để bầu Đoàn chủ tịch, Ban giám sát, Ban kiểm phiếu, thông qua chương trình họp, thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp, Cổ đông sẽ dùng Thẻ cổ đông để biểu quyết công khai tại cuộc họp.
6. Trong trường hợp biểu quyết để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty sẽ phát cho mỗi cổ đông, Người được ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp phiếu bầu được in thống nhất có danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để tiến hành bầu cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật. Cách thức biểu quyết để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

7. Công ty sẽ nỗ lực ghi nhận các ý kiến phát biểu, biểu quyết của Cổ đông thông qua phương tiện điện tử và/hoặc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Các Cổ đông có nhu cầu biểu quyết bằng hình thức từ xa sẽ được cấp Phiếu biểu quyết điện tử khi tiến hành đăng ký từ xa. Phiếu biểu quyết điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Trong trường hợp này, Cổ đông phải gửi Phiếu biểu quyết đến Ban tổ chức đại hội trước giờ biểu quyết.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban tổ chức sẽ chuẩn bị bộ phận giúp việc, Ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình.
2. Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Phiếu biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Phiếu biểu quyết được phát trực tiếp tại cuộc họp.
3. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, các phiếu “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không hợp lệ” sẽ được tổng hợp riêng (trong đó các Phiếu biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “không hợp lệ”). Tổng số phiếu “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không hợp lệ”, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết theo từng vấn đề được Ban kiểm phiếu ghi nhận đầy đủ trong Biên bản kiểm phiếu.
4. Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả vào Biên bản kiểm phiếu.
5. Công ty nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch nhận dạng để phòng tránh sai sót. Cách thức tiến hành sẽ được Công ty quy định cụ thể khi quyết định áp dụng.

Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Trưởng ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu hợp lệ, trong đó bao gồm số phiếu đồng ý/tán thành, số phiếu không đồng ý/phản đối, số phiếu không có ý kiến và số phiếu không hợp lệ, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết đối với từng vấn đề được các cổ đông biểu quyết tại cuộc họp. Trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu bầu của từng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
2. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Ngoài ra, Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong trường hợp Cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì Cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên, mã cổ đông dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nội dung, lý do về việc phản đối. Văn bản đó sẽ được chuyển đến Thư ký để ghi nhận.
2. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua

nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nội dung thông tin công bố bằng Tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo) và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, Người được ủy quyền dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi Biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được gửi tới Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán để thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 14. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị pháp lý như tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 của Điều lệ sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị và một thành viên Ban Thư ký. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị là trưởng Ban kiểm phiếu.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- d. Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại 05 công ty khác;
- e. Các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).

2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Ngoài các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị theo Khoản 1 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Điều 16. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu số lượng cổ phần (tính đến thời điểm chốt danh sách Cổ đông) đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ sẽ được quyền đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là mười hai (12) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ đề cử phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, bao gồm:
 - a. Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị (theo mẫu);
 - b. Lý lịch trích ngang ứng viên (theo mẫu);
 - c. Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: chứng minh nhân dân/căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực;
 - d. Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
 - e. Thông tin về quá trình công tác, danh sách các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và chức danh người quản lý khác, quan hệ của ứng viên với Người có liên quan, quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty, những thông tin liên quan khác có thể ảnh hưởng tới nhiệm vụ và/hoặc tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.
 - f. Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu và thời gian sở hữu của Cổ đông/nhóm Cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo quy định của Điều lệ và Quy chế này (theo mẫu).
3. Đối với nhóm Cổ đông: danh sách đầy đủ của nhóm Cổ đông đề cử; bằng chứng về việc nắm giữ cổ phần đủ và liên tục 6 tháng; văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ đông về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ chữ ký của các Cổ đông tham gia đề cử.
4. Ứng viên Hội đồng quản trị sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
5. Hồ sơ sẽ được gửi đến Ban tổ chức tại Trụ sở chính công ty.

Điều 17. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sẽ đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện được đề cập Điều 15 Quy chế này. Toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết được chuyển đến Công ty cho Ban tổ chức cuộc họp, Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin về ứng viên theo đúng quy định của pháp luật tùy theo tính sẵn sàng của thông tin ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ đề cử hoặc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế:
 - Được Hội đồng quản trị tìm kiếm lựa chọn theo quy trình;
 - Được các Cổ đông giới thiệu và thông qua quy trình đánh giá của Hội đồng quản trị
4. Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ công bố quy trình giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị được phép bầu. Cổ đông chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: Cổ đông chỉ cần đánh dấu (x) vào ô trống của từng ứng cử viên mà mình bầu. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên được chọn là kết

quả chia đều của Tổng số quyền bầu của Cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.

- b. Bầu cử bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn: Cổ đông ghi trực tiếp số quyền bầu vào ô trống của số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu của từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của Cổ đông đối với mỗi ứng viên. Tổng số quyền bầu mà Cổ đông ghi bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số quyền bầu của Cổ đông đó.

Lưu ý: Cổ đông chỉ được lựa chọn một trong hai phương pháp trên để thực hiện bầu Hội đồng quản trị. Nếu Cổ đông thực hiện đồng thời cả hai phương pháp nêu trên thì phiếu bầu đó **không hợp lệ**.

3. Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
4. Các ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại (nếu có)). Ứng viên trùng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.
5. Đối với các ứng viên không phải là ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị, trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì:
 - a. Nếu ứng viên là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ tỷ lệ sở hữu cổ phần nhiều hơn sẽ ưu tiên được chọn.
 - b. Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng quản trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.
6. Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu thuộc vào một trong các trường hợp sau:
 - Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - Có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự.Hội đồng quản trị sẽ ra một thông báo về việc không còn tư cách thành viên đối với thành viên bị mất tư cách.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty;

- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - Thành viên đó vi phạm quy tắc đạo đức theo quy định của Công ty, vi phạm hay không hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo pháp luật hoặc Điều lệ mà theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị là nghiêm trọng;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 5. Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến bầu, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị sẽ được Thư ký/Người phụ trách quản trị công ty gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử hoặc bằng đường bưu điện, hoặc fax, hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký trước tại Công ty.
2. Thông báo họp Hội đồng quản trị sẽ bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp, các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp và được thể hiện bằng tiếng Việt.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp hoặc một phần nội dung chương trình họp bằng cách gửi thư điện tử đến Thư ký công ty/Người phụ trách quản trị công ty.
4. Tùy theo nội dung cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị căn cứ vào Điều lệ, Quy chế này có thể mở rộng thành phần tham dự họp. Thành viên được mời họp có quyền tham gia ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có tham dự trực tiếp hoặc một hình thức khác theo Điều 30 Điều lệ.
2. Trừ khi có sự thỏa thuận khác, trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 22. Cách thức biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị

1. Ngoài quy định tại Điều 30 của Điều lệ, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở/trình trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
2. Trong các cuộc họp trực tiếp, qua điện thoại, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay hoặc bỏ phiếu kín đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận. Cách thức biểu quyết sẽ do chủ tọa cuộc họp quyết định.
3. Các tình trạng biểu quyết có thể là “đồng ý”, “phản đối”, “không có ý kiến”.

Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (>50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (>50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 24. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty sẽ thực hiện ghi biên bản diễn biến cuộc họp Hội đồng quản trị một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty có thể ghi âm cuộc họp để đảm bảo tính chính xác cuộc nội dung, diễn biến, kết quả cuộc họp.
2. Biên bản ghi nhận diễn biến cuộc họp sẽ được hoàn thành ngay sau mỗi cuộc họp và có chữ ký của tất cả thành viên tham dự. Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp sẽ được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn 10 năm.

Điều 25. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Các nghị quyết này sẽ được thông tin đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 26. Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trong thời gian giữa các kỳ họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Phiếu biểu quyết và các tài liệu có liên quan sẽ được gửi kèm theo đến từng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn gửi lại Phiếu biểu quyết và các ý kiến khác có liên quan (nếu có) sẽ được nêu rõ trong văn bản gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Việc gửi Phiếu biểu quyết các ý kiến khác có liên quan (nếu có) có thể được thực hiện dưới hình thức sau đây:

- a. Thư bảo đảm: gửi chuyển phát đến địa chỉ của Văn phòng Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty (nếu được Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định);
 - b. Fax: Phiếu biểu quyết gửi qua fax đến số fax của Văn phòng Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị có giá trị tương đương bản gốc;
 - c. Email: trường hợp biểu quyết qua email thì phải được thực hiện qua hộp thư đăng ký chính thức của thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty về địa chỉ email chính thức của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Văn phòng Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một địa chỉ email khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định vào từng thời điểm.
4. Văn phòng Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty có trách nhiệm tổng hợp phiếu biểu quyết và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết dưới sự chứng kiến của đại diện Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và đại diện Ban kiểm soát chứng kiến việc kiểm phiếu.
 5. Việc thông qua và giá trị pháp lý của nghị quyết Hội đồng quản trị theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định của Điều 23 Quy chế này và Điều 30 Điều lệ Công ty.
 6. Các trường hợp phiếu biểu quyết có nội dung không đồng ý hoặc có ý kiến khác, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cần phải trao đổi ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị qua điện thoại hoặc bằng văn bản (hoặc tương đương văn bản) về lý do, khúc mắc có liên quan.

CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ,... trên cơ sở chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên của tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị có thể bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.
3. Tiêu chuẩn Trưởng tiểu ban và các thành viên của tiểu ban cũng như trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quy định.
4. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.
6. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự,...

Điều 28. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được

- chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
 4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.
 5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng giám đốc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

Điều 29. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị thống nhất ấn định, căn cứ theo chế độ làm việc của mỗi thành viên, trong khuôn khổ hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
2. Thù lao cụ thể của các thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị ngoài thù lao như các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được hưởng lương theo Quy chế lương của công ty, nằm trong ngân sách chi phí hoạt động kinh doanh hàng năm được Hội đồng quản trị duyệt.
4. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

**CHƯƠNG VI: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM
KIỂM SOÁT VIÊN, THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT**

Điều 30. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Quy chế nội bộ về quản trị công ty
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
3. Không được giữ các chức vụ quản lý tại Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
4. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự đối với đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 16 Quy chế này. Tỷ lệ đề cử ứng viên Ban kiểm soát như sau: Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% đến dưới 75% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 75% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 32. Cách thức bầu Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát

1. Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tiến hành theo cách thức tương tự đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 18 Quy chế này.
2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp, làm việc chuyên trách tại Công ty và không được kiêm nhiệm các vị trí công việc khác tại Công ty. Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 33. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
2. Ban kiểm soát làm việc theo cơ chế biểu quyết theo đa số. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát sẽ là ý kiến quyết định.
3. Trưởng Ban kiểm soát có thể triệu tập cuộc họp, trao đổi riêng với từng thành viên trong Ban kiểm soát để thảo luận về các chủ đề riêng biệt.
4. Tùy theo nội dung, các cuộc họp và thảo luận có thể thực hiện thông qua họp trực tiếp hoặc hình thức khác.
5. Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị công ty hỗ trợ các cuộc họp của Ban kiểm soát: Chuẩn bị điều kiện cần thiết để tổ chức cuộc họp; Ghi biên bản cuộc họp.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên đương nhiệm mất tư cách thành viên khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Không đủ tư cách làm Kiểm soát viên theo quy định hoặc bị pháp luật cấm không được làm Kiểm soát viên;
 - Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 37 Điều lệ Công ty.
3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 37 Điều lệ Công ty.
4. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 35. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát

1. Thù lao của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn sẽ được phân chia cho các thành viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc: Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát có phạm vi và mức độ công việc nhiều sẽ có thù lao cao hơn do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Trưởng Ban kiểm soát.
2. Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách được hưởng lương theo Quy chế lương của công ty, nằm trong ngân sách chi phí hoạt động kinh doanh hàng năm được Hội đồng quản trị duyệt.
3. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 36. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp

1. Điều kiện của Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều 65 Luật doanh nghiệp quy định.
2. Các quy định cụ thể về tiêu chuẩn chung đối với Người điều hành doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:
 - Không được là người thuộc những trường hợp bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là: những người chưa thành niên, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù; nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người trong thời hạn bị cấm làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, Chủ nhiệm, các thành viên Ban quản trị hợp tác xã đã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - Tạo được lòng tin của các cổ đông, các cấp quản lý và nhân viên trong Công ty;
 - Có đức tính trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
 - Có chuyên môn, bằng cấp và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý;
 - Có kinh nghiệm kinh doanh (khuyến khích đối với người có am hiểu thông lệ kinh doanh quốc tế), có kiến thức tốt về kinh tế, chính trị, pháp luật và các vấn đề xã hội cũng như kiến thức và xu hướng thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh (trong nước cũng như quốc tế);
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Ngoài những quy định tại Khoản 1, 2 Điều này, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- Có trình độ đại học trở lên;
- Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của bất kỳ một tổ chức/ doanh nghiệp nào khác;
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
- Những tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiêu chuẩn Người điều hành khác:

- Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;
- Có trình độ đại học trở lên;
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
- Các tiêu chuẩn riêng cụ thể sẽ do Tổng Giám đốc đề xuất, Hội đồng quản trị xem xét phê chuẩn.

Điều 37. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Trình tự, thủ tục:

- Thành viên Hội đồng quản trị đề cử bằng văn bản việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc đề cử bằng văn bản việc bổ nhiệm Người điều hành khác;
- Người đề cử đưa ra ý kiến đánh giá bằng văn bản đối với các người được đề cử;
- Kết quả đánh giá các ứng viên tiềm năng thường được thực hiện thông qua cơ chế đánh giá có sự tham gia của Tổng Giám đốc và các cấp quản lý cấp cao khác trong Công ty.

2. Bổ nhiệm

- Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua.
- Việc bổ nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Nhiệm kỳ của các người điều hành doanh nghiệp: 05 năm

Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp

1. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và những Người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Công ty ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện cho Công ty ủy quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác.

Điều 39. Quyền hạn, nhiệm vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành Công ty, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tuân theo quy định pháp luật và phù hợp với nội dung ủy quyền, thẩm quyền phân cấp do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện Công ty giao tại các văn bản nội bộ của công ty.
2. Nhiệm vụ quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp vắng mặt trong thời gian quá 15 ngày, Tổng giám đốc phải ủy quyền cho một hoặc một số Người điều hành khác thực hiện công việc điều hành thay mặt Tổng giám đốc trên cơ sở chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc phải báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị về thời gian, lý do vắng mặt và người thay thế hoặc những người được ủy quyền.

Điều 40. Quyền hạn, nhiệm vụ của Người điều hành khác

Quyền hạn, nhiệm vụ của Người điều hành khác (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng,...) sẽ theo các văn bản nội bộ về phân công nhiệm vụ, phân cấp quản lý do Hội đồng quản trị / Tổng giám đốc ban hành.

Điều 41. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Không đủ tư cách làm Người điều hành doanh nghiệp theo quy định hoặc bị pháp luật cấm không được làm Người điều hành doanh nghiệp;
 - Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
2. Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển của Công ty;
 - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở Công ty;
 - Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận;
 - Nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng lao động;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Người điều hành doanh nghiệp bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế, điều lệ của Công ty;
 - Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
4. Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện thông qua nghị quyết bằng văn bản của Hội đồng quản trị.
5. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 42. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và Người điều hành khác

1. Quan hệ trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan nhà nước, cơ quan cấp trên, các đối tác khách hàng lớn và các nội dung có liên quan khác:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện thay mặt Công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo cơ quan nhà nước, cơ quan cấp trên, các đối tác khách hàng lớn. Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc Tổng giám đốc hoặc

Người điều hành khác thực hiện. Sau khi tham dự, người được ủy quyền phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị tất cả nội dung có liên quan.

- Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nội dung các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc thành viên Ban Kiểm soát được phân công theo dõi mảng có liên quan.

2. Quan hệ trong triển khai các nhiệm vụ được giao:

- Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có)
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và phát biểu ý kiến (nếu có). Trình tự, thủ tục và nội dung cuộc họp sẽ theo quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Tại các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
- Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các thành viên bộ máy điều hành là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và đảm bảo Công ty hoạt động diễn ra bình thường, hiệu quả.
- Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua; Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản.
- Hội đồng quản trị sẽ tổ chức họp và đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và những Người điều hành khác theo nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị sẽ kiến nghị hoặc quyết định các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có).

3. Chế độ báo cáo:

- Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và các văn bản nội bộ của Công ty. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các nội dung công việc quan trọng có thể ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty đều phải gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

- Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện.
- Ban điều hành và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
- Tổng giám đốc phải chủ động và thường xuyên báo cáo, cập nhật thông tin về tình hình hoạt động của Công ty; Báo cáo những khó khăn vướng mắc với Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề xuất phương án giải quyết.

Điều 43. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.
2. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.
3. Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị có nội dung liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát.
5. Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 44. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị trong những trường hợp sau:

1. Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
2. Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc.
3. Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan.
4. Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
5. Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Điều 45. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Các nội dung Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao có thể được tích hợp thành một nội dung trong chương trình họp Hội đồng quản trị.
2. Các vấn đề phải báo cáo:
 - a. Tình hình điều hành Công ty;
 - b. Việc triển khai chiến lược kinh doanh của Công ty;
 - c. Việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc;
 - d. Các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty;
 - e. Các kết quả tài chính của Công ty;

- f. Sự tuân thủ của Bộ máy điều hành đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ liên quan tới Quản trị công ty, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, cũng như các vấn đề về đạo đức kinh doanh;
- g. Những nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 46. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử đối với các nội dung mà Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã thông qua rằng Tổng Giám đốc phải cung cấp. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản hoặc thư điện tử.

Điều 47. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng Giám đốc theo Quy chế này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các Người điều hành khác sau khi tham khảo với Tổng Giám đốc về chủ đề, thời gian và các nội dung khác.
4. Đối với việc Hội đồng quản trị ủy quyền cho người quản lý theo Khoản 5 Điều 27 của Điều lệ thì:
 - (i) Nội dung này phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ii) Được gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và thông tin đến Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký Công ty và;
 - (iii) Đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.
5. Các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc theo Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ, Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
6. Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý doanh nghiệp khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng giám đốc trước ít nhất 24 giờ.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Cơ cấu tổ chức và số lượng Người điều hành doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.
8. Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc giao dịch trọng yếu, Hội đồng quản trị phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị/yêu cầu.
9. Trong trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị có mời thành viên Ban điều hành hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 3 ngày (thông qua Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty).

Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
2. Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của Người điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người điều hành với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích nhằm phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;
5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý Quy chế nội bộ về quản trị công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;
6. Ban Kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;
7. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.
8. Đối với hoạt động của Tổng giám đốc, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát có quyền gửi thông báo đến Tổng Giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng Giám đốc.

**CHƯƠNG IX: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Điều 49. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1. Các tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty:
 - Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động và các quy định, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;
 - Có trình độ học vấn đại học trở lên;

- Am hiểu hoạt động của Công ty;
 - Trách nhiệm cao, giao tiếp tốt;
 - Có kỹ năng tổ chức, phân tích;
 - Là một người có uy tín cá nhân và trong sạch.
2. Các yêu cầu, điều kiện đối với Người phụ trách quản trị công ty:
- Tính độc lập: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty;
 - Người phụ trách quản trị công ty không được là người có liên quan của Người điều hành doanh nghiệp;
 - Người phụ trách quản trị công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận;
 - Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ theo khoản 4 Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 50. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Số lượng Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định
2. Hội đồng quản trị sẽ ban hành nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty là 5 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.
3. Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở tóm tắt quá trình học tập, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong Công ty, số lượng cổ phần của Công ty đang nắm giữ,...
4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.
5. Hội đồng quản trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty với Tổng giám đốc và Người điều hành khác.

CHƯƠNG X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo và công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho Cổ đông và công chúng đầu tư.
3. Người phụ trách công bố thông tin phải là người:
 - Có kiến thức pháp luật, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - Công khai tên, số điện thoại làm việc, email để Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

- Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các Cổ đông, ghi nhận ý kiến của các Cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các Cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
 - Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
4. Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế này với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ Công ty, các văn bản nội bộ khác và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
3. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 53. Điều khoản thi hành

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, các cổ đông và cán bộ nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Xuân Tiến